TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST Ngày 21-6-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Phan Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa*:* Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Quang H, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn N1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 4 năm 2023 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Bùi Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh tự nguyện chung sống với chị Nguyễn Thị L từ giữa năm 1998, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất từ đầu năm 2017, do chị L không biết đối nhân xử thế, vợ chồng không chia sẻ cùng nhau công việc gia đình, không tin tưởng nhau trong việc làm kinh tế gia đình, từ đó thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, anh xin ly hôn chị L.

Về con chung: Anh chị có 03 con là Bùi Quang T, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1999; Bùi Việt A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2003; Bùi Quang P, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017, hiện nay cháu T, cháu A đều đã thành niên, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu P đang do chị L nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L 5.000.000đ (năm triệu đồng)/1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 5 năm 2023, chị Nguyễn Thị L trình bày thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện chung sống và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng từ đầu năm 2017 do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh H không tôn trọng chị và gia đình chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đồng ý ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung như anh H đã trình bày, hiện nay cháu T, cháu A đều đã thành niên, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu P đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi đủ 18 tuổi; yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị 5.000.000đ (năm triệu đồng)/1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 5 năm 2023, anh H và chị L đều thống nhất giao cháu Bùi Quang P, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L, mỗi tháng 5.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án hoặc quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung, quan điểm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cơ bản chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nH đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 53, 54, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Bùi Quang H và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Quang P, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Quang H xin ly hôn chị Nguyễn Thị L và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Chị L đang cư trú tại xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị L (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H xin ly hôn chị L, trên cơ sở lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N, xã Đ cung cấp thì anh Bùi Quang H và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ giữa năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay anh H xin ly hôn chị L; căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm b Mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần tuyên bố không công nhận anh Bùi Quang H và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 03 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 01 tháng 9 năm 1999; Bùi Việt A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2003; Bùi Quang P, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017, hiện nay cháu T, cháu A đều đã thành niên, sức khỏe bình thường; anh H, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, cháu P đang do chị L nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh H và chị L đều thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền xã N thì chị L làm nghề nông nghiệp, thu nhập trung bình 4.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, từ khi anh H bỏ về mẹ đẻ ở, chị L chăm sóc cháu P rất tốt. Do đó cần giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H làm nghề tự do, công việc thường xuyên làm bả sơn và kinh doanh nhỏ, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản hòa giải, giữa anh H và chị L đã thống nhất với nhau về việc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, được công nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Bùi Quang H không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; các Điều 14, 15, 16, 53, 54, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Bùi Quang H và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Bùi Quang P, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng), tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị L mà anh Bùi Quang H chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Quang H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001930 ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh H còn phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Quang H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu